

TÀI LIỆU PTTK HTTT <u>DÀNH CHO KHÓA 12</u>

CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ THÀNH PHẦN XỬ LÝ VÀ DỮ LIỆU - SDLC

KHÓA NGÀY: 13 May 2019

MUC LUC

CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ THÀNH PHẦN XỬ LÝ VÀ DỮ LIỆU	2
HƯỚNG CẦU TRÚC	
I. MÔ HÌNH HÓA HỆ THỐNG	
1. Mô hình tổ chức hệ thống (BFD)	
2. Mô hình dòng dữ liệu (DFD)	
II. DFD – CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN	
1. Hệ thống kí hiệu	
 Vẽ DFD trên Visio Ô xử lý 	
4. Dòng dữ liệu	
5. Kho dữ liệu	
6. Đầu cuối	5
7. Các mối quan hệ liên quan	5
III.MÔ HÌNH HÓA MÔ HÌNH XỬ LÝ MỨC NGỮ CẢNH -Context Diagram	7
IV. MÔ HÌNH HÓA MÔ HÌNH XỬ LÝ MỨC 0 – Diagram 0	7
V MÔ HÌNH HÓA MÔ HÌNH XỬ LÝ MỨC CON – Diagram 1 2 3	8

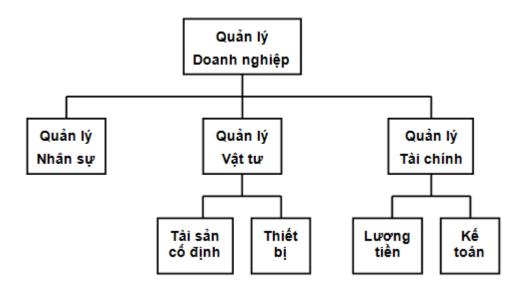


CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ THÀNH PHẦN XỬ LÝ VÀ DỮ LIỆU

HƯỚNG CẦU TRÚC

I. MÔ HÌNH HÓA HỆ THỐNG

- 1. Mô hình tổ chức hệ thống (BFD)
 - ✓ Dùng để biểu diễn sự phân cấp của một đơn vị (tổ chức).
 - ✓ Các đối tượng bao gồm: Chi nhánh, phòng ban, vai trò-chức danh, đối tượng công việc.



Hình 1.1 Sơ đồ tổ chức BFD của một nhánh quản lý doanh nghiệp

2. Mô hình dòng dữ liệu (DFD)

- ✓ Theo trường phái hướng cấu trúc.
- ✓ Xem các hoạt động xử lý như các hộp đen và quan tâm việc lưu trữ thông tin giữa các hộp đen này.

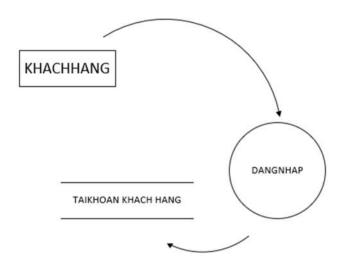
II. DFD – CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

- 1. Hệ thống kí hiệu
 - Theo hướng tiếp cận kí hiệu của visio ta có hệ thống kí hiệu như sau:



Khái niệm	Hình vẽ	Ý nghĩa
Ô xử lý		Một hoạt động của hệ
		thống thông tin.
D) 18 110		Sự chuyển thông tin giữa
Dòng dữ liệu		các thành phần.
		Vùng chứa dữ liệu
771 10 110		r ang chua aa tiça
Kho dữ liệu		
D) (:		Tác nhân bên ngoài hệ
Đầu cuối		thống.
	NAME	

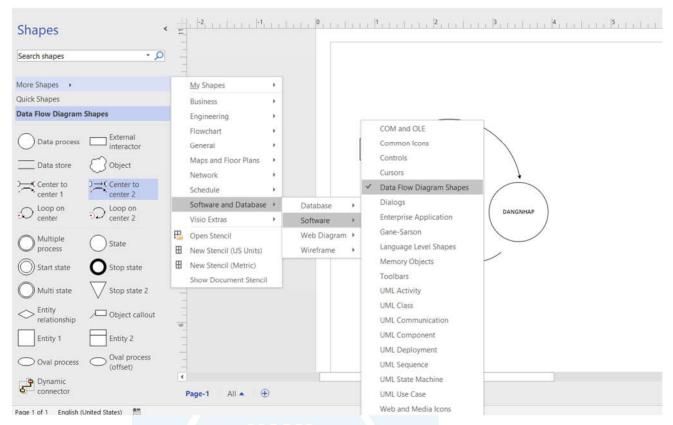
Ví dụ minh họa:



Hình 1.2 Khách hàng muốn đăng nhập lấy tài khoản thông qua mô hình DFD

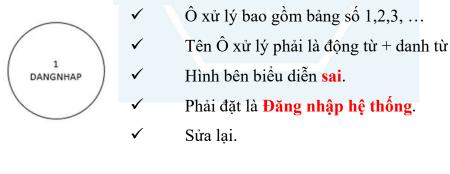
2. Vẽ DFD trên Visio

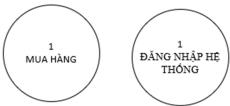




3. Ô xử lý

Ô xử lý: Là một hoạt động bên trong hệ thống thông tin. Bao gồm: Tạo mới HTTT, sử dụng HTTT, cập nhật HTTT, Hủy bỏ thông tin.





4. Dòng dữ liệu

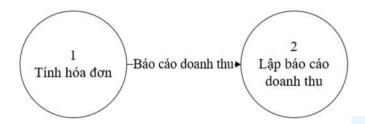
Dòng dữ liệu: Chuyển từ thành phần dữ liệu này sang thành phần dữ liệu kia. Không bao hàm **dòng điều kiện**.





Tên dòng dữ liệu: Cụm động từ

Ví dụ:



5. Kho dữ liệu

Kho dữ liệu: Nơi chứa thông tin dữ liệu HTTT → Để biểu diễn dòng chứa dữ liệu.

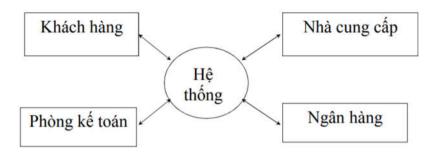
Tên kho dữ liệu = danh từ (cụm danh từ)

6. Đầu cuối

Đầu cuối: Thực thể bên ngoài, giao tiếp với hệ thống.

Tên đầu cuối = danh từ (cụm danh từ)

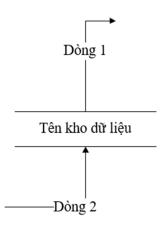
Ví dụ:



7. Các mối quan hệ liên quan

a. Dòng dữ liệu và kho dữ liệu

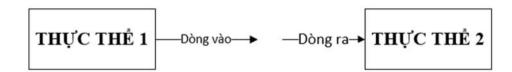




Dòng 1: Biểu diễn sự khai thác dữ liệu kho.

Dòng 2: Biểu diễn dòng dữ liệu đi vào (cập nhật)

b. Dòng dữ liệu và đầu ra



c. Dòng dữ liệu và ô xử lý

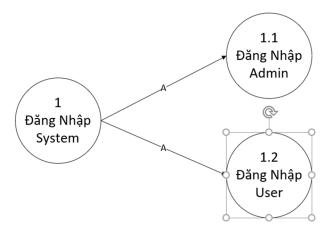
Ô xử lý phải có đầu vào và đầu ra:



d. Một số lưu ý

- ✓ Với → là dòng dữ liệu
- ✓ Không có trường hợp sau đây: Kho dữ liệu → Kho dữ liệu
 - ✓ Sửa lại: Kho dữ liệu → Ô xử lý → Kho dữ liệu
- ✓ Không có trường hợp: Đầu vào → Kho dữ liệu
 - ✓ Sửa lại: Đầu vào → Ô xử lý → Kho dữ liệu
- ✓ Phân nhánh ô xử lý thì các dòng dữ liệu phải cùng tên
 Ví du:

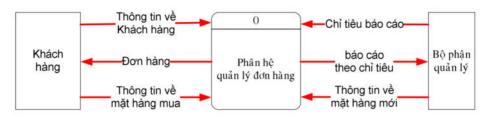




III. MÔ HÌNH HÓA MÔ HÌNH XỬ LÝ MỨC NGỮ CẢNH -Context Diagram

- ✓ Diễn tả toàn bộ hệ thống bằng một ô xử lý.
- ✓ Là sơ đồ tổng quát nhất.
- ✓ Xác định phạm vi của hệ thống
- ✓ Không có kho dữ liệu.

Ví dụ minh họa

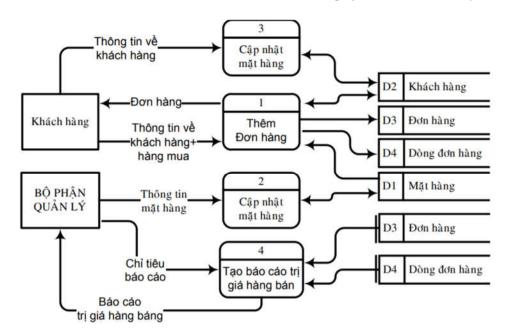


SƠ ĐÔ MÔI TRƯỜNG CỦA PHÂN HỆ QUẢN LÝ ĐƠN HÀNG

IV. MÔ HÌNH HÓA MÔ HÌNH XỬ LÝ MỰC 0 – Diagram 0

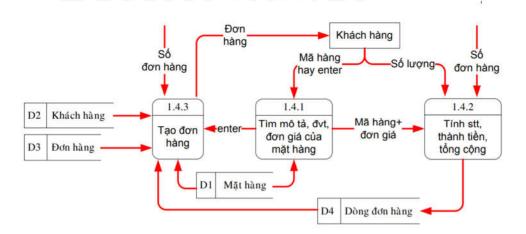
- ✓ Gồm các ô xử lý đáp ứng lại các sự kiện phát sinh từ các tác nhân ngoài hệ thống.
- ✓ DFD mức không chính là sơ đồ phân ra của sơ đồ mức ngữ cảnh (quan niệm).
- ✓ Phải diễn tả các kho dữ liệu và dòng dữ liệu liên quan đến ô xử lý.
- ✓ Ví dụ minh họa.





V. MÔ HÌNH HÓA MÔ HÌNH XỬ LÝ MÚC CON – Diagram 1,2,3....

- ✓ Dòng dữ liệu vào ra của sơ đồ phải bằng với dòng dữ liệu vào ra của sơ đồ được phân rã.
- ✓ Hình thành từ việc phân rã ô xử lý.
- √ Ví dụ minh họa



----- Hết -----